TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2020/DS-ST
Ngày 27 - 4 - 2020
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Liễu

2.Bà Trịnh Thị Cúc

- Thư ký phiên toà:Bà Nguyễn Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLST-DS ngày 12tháng 12 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:03/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị L - sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu phố B, Phường T, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Th - sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố L, Phường T, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Ltrình bày như sau:

Xuất phát từ mối quan hệ anh em họ hàng, bà Lê Thị Lcó cho chị Lê Thị Th vay số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Tại hợp đồng vay tiền lập ngày 03/8/2017, thể hiện số tiền vay và lãi suất cho vay là 03%/ tháng, bà L đã giao tiền một lần cho chị Th vay, thời hạn trả nợ số tiền vay là 12 tháng kể từ ngày vay. Do không trả được tiền nợ gốc và lãi đúng hạn nên chị Th và bà L xác lập giấy khất nợ vào ngày 18/10/2018, chị Th cam kết khi nào gia đình bán được Tàu cá thì sẽ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho bà L sau năm tháng kể từ ngay khất nợ. Đến nay, theo bà L thì quá trình vay bà L chưa được nhận tiền gốc, tiền lãi thì chị Th đã thanh toán được ba tháng, số tiền lãi từ ngày vay 03/12/2017 đến

nay bà đã nhận. Nay bà yêu cầu chị Th phải thanh toán cho bà số tiền gốc và lãi 03% / tháng từ ngày 03/12/2017 đến nay.

Đối vời bị đơn chị Lê Thị Th, quá trình giải quyết vụ án chị không có mặt, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay tiền với bà L, Tòa án tiến hành tổ chức thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôn nay chị có mặt, quan điểm của chị cho rằng, chị có vay số tiền của bà L 100.000.000đ là đúng và có khất nợ với bà L, nhưng khoản vay này là từ năm 2015 và chị đã trả lãi cho bà L khoảng hơn hai trăm triệu đồng. Chị đề nghị số tiền này cho chị được trả dần hàng tháng mỗi tháng từ năm trăm đên một triệu đồng và chỉ trả tiền gốc.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn,các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố S phát biểu quan điểm về chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị hướng giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Lê Thị Lkhởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản là quan hệ tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa theo quy định khoản 3Điều 26; Điều 35 và Điều 39của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Ngày 03/8/2017, bà Lê Thị L và chị Lê Thị Th xác lập hợp đồng vay tiền là thực tế, số tiền chị Lê Thị Th đã nhận là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền gốc, số tiền này đến nay chị Th chưa thanh toán cho bà L. Như vậy, chị Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà L có quyền yêu cầu chị Thphải trả nợ là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi suất 0,3%/ tháng, bị đơn chị Lê Thị Th có mặt tại phiên tòa cũng thừa nhận có vay tiền của bà L và khất nợ bà L khi không thanh toán đúng hạn, việc vay tiềncó thỏa thuận lãi suất nhưng lãi suất đã thanh toán cho bà L từ năm 2015, số tiền trả lãi là hơn hai trăm triệu đồng. Căn cứ vào hợp đồng vay tiền và giấy

khất nợ do các bên đã xác lập, không thể hiện việc chị Th đã thanh toán lãi cho bà L khoản tiền lãi hơn hai trăm triệu từ năm 2015, chị Th cũng không có chứng cứ xuất trình để chứng minh khoản vay của bà L từ năm 2015. Tuy nhiên bà L thừa nhận, đã nhận tiền lãi 03 tháng là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) tương ứng với tháng 9, 10,11 năm 2017, phần lãi suất này là phù hợp không vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nay bà L yêu cầu tính lãi suất trong thời gian chưa thanh toán từ tháng 12 năm 2017 cho đến ngày xét xử là có căn cứ. Số tiền lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là 27 tháng, 27 ngày (làm tròn) là 28 thángx 300.000 x 100.000.000đ = 8.400.000đ (tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Nay cần buộc chị Lê Thị Th phải thanh toán cho bà L số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi 0,3%/ tháng là 8.400.000đ. Tổng cộng là 108.400.000đ (một trăm linh tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Xét lời nại của bị đơn về khoản tiền lãi suất thì thấy, Ngày 03/8/2017 chị Th và bà L có xá lập quan hệ vay tiền, trong hợp đồng do nguyên đơn xuất trình có thể hiện lãi suất 0.3%/ tháng, tiền lãi bà L đã nhận được 03 tháng. Tuy nhiên không có căn cứ để cho rằng khi xác lập quan hệ vay tiền thì bà L cho vay lãi suất cao, khoản vay này chị Th cho rằng vay từ năm 2015 cũng không có căn cứ. Tại phiên toà hôm nay chị có mặt nhưng vẫn không suất trình được chứng cứ vay tiền từ năm 2015 với lãi suất như chị nại ra. Nên không có căn cứ để xem xét về việc chị khai nại. Nay bà L yêu cầu khởi kiện thì cần buộc chị Th phải thanh toán khoản nợ vay và tiền lãi suất theo hợp đồng là có căn cứ.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên số tiền tạm ứng án phí có giá ngạch được hoàn trả cho nguyên đơn. Bị đơn không thuộc đối tượng xem xét miễn một phần hoặc toàn bộ án phí dân sự.Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227,Điều 271 vàĐiều273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ cácĐiều 275,Điều 280,Điều463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Lđối với bị đơn chị Lê Thị Th.

2. Buộc chịLê Thị Th phải thanh toán cho bà Lê Thị Lsố tiền nợ gốc là 100. 000.000đ *(một trăm triệu đồng)*và tiền lãi là 8.400.000đ *(tám triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Tổng cộng là 108.400.000đ (một trăm linh tám triệu bốn trăm nghìn đồng)

3. Về án phí dân sự: Trả lại cho bà Lê Thị Lsố tiền tạm ứng án phí DSST là 2.500.000đ, theo biên lai thu số AA/2017/0006079 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sựThành phố S.Buộc chịLê Thị Th phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 5.420.000.000đ) (năm triệu bốn trămhai mươi nghìn đồng).

Án xử công khai có mặt các bên đương sự, các đương sựcó quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơthẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành áncòn phải thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi

Nơi nhận:
- VKS Tp. S;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS Tp. S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.